



CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA NGÔ ĐÌNH DIỆM (P.2)

Nguồn: William Henderson & Wesley R. Fishel, "The Foreign Policy of Ngo Dinh Diem", *Vietnam Perspectives*, Vol. 2, No. 1 (Aug., 1966), pp. 3-30.

Biên dịch: Vũ Thị Hương Giang | **Biên tập:** Lê Hồng Hiệp

Quan hệ với Bắc Việt Nam

Có thể mô tả thái độ của Diệm với đối thủ Cộng sản ở Hà Nội là thù nghịch hoàn toàn. Điều này đúng với tiếp cận của ông với mọi chế độ Cộng sản; ông không bao giờ có bước đi dù nhỏ nhất nhằm thiết lập quan hệ với bất cứ ai trong số đó. Ngay từ đầu chế độ của mình năm 1954, Diệm dường như không bao giờ suy nghĩ nghiêm túc về khả năng thương lượng có ý nghĩa về bất cứ chủ đề chính trị quan trọng nào với Hà Nội. Cách tiếp cận của ông với vấn đề cơ bản là tái thống nhất đã được thảo luận ở trên. Diệm cũng cứng rắn như vậy về các vấn đề như quan hệ chính thức giữa Sài Gòn và Hà Nội, phát triển thương mại liên vùng, thậm chí là trao đổi thư từ, bất chấp đôi lần những người Cộng sản có đề nghị.

Mặc dù không có nhiều thông tin công khai về chủ đề này nhưng rõ ràng, những mối liên hệ với chất lượng không rõ vẫn được duy trì rời rạc giữa hai chính phủ. Điều này không có gì là khó thực hiện. Ủy ban Quốc tế về Giám sát và Kiểm soát và người Pháp cung cấp cơ hội rõ rệt để thi thoảng trao đổi, và còn nhiều kênh bí mật ở Paris, Geneva và những nơi khác. Tuy nhiên, trên cơ sở những bằng chứng hiện có, sau năm 1954 không hề có thương lượng có ý nghĩa nào diễn ra giữa hai chế độ thù nghịch với nhau cho dù là về bất cứ chủ đề nào. Đơn giản là không hề có điểm chung để dẫn tới thảo luận thành công. Thậm chí sau 1957, khi những người Cộng sản nổi dậy các chiến dịch quân sự ở Nam Việt Nam và vị thế của

chính phủ Sài Gòn kém đi nhanh chóng, Diệm và các đồng nghiệp cũng không bao giờ thềm thương lượng với Hà Nội để tìm một lối ra có thể.

Theo những gì được biết đến nay, mối dây đưa nghiêm túc duy nhất giữa Sài Gòn và Hà Nội diễn ra vào cuối chế độ Diệm, và xảy ra do sự xúi giục của em trai tổng thống, Ngô Đình Nhu, mà rất có thể là lúc đầu chính Diệm cũng không hay biết. Khi áp lực của Mỹ lên chế độ Diệm tăng lên trong mùa hè 1963, rõ ràng Nhu đã bắt đầu trao đổi với Phạm Văn Đồng, Ngoại trưởng của Cộng sản, thông qua trung gian là Đại sứ quán Pháp tại Sài Gòn, để công khai tìm kiếm một giải pháp chính trị cho cuộc nội chiến. Tuy vậy, có lẽ mục đích của Nhu không phải là tìm cơ sở cho đàm phán hoà bình với Hà Nội. Thậm chí cả ông cũng không có ý định nghiêm túc về việc hoà giải với những người Cộng sản. Thay vào đó, Nhu cố sử dụng các trao đổi - mà sự tồn tại của chúng nhanh chóng được biết đến - làm phương tiện đòn bẩy với người Mỹ, và để buộc Washington nới lỏng áp lực lên chế độ Diệm. Nói cách khác, nỗ lực tổng tiền thô sơ này đơn thuần là công cụ để nâng đỡ chế độ Diệm và là kiểm soát của gia đình Nhu đối với chính quyền Sài Gòn trong hoàn cảnh Mỹ ngày càng gây áp lực phải có cải cách thực chất. Có lẽ nó chưa bao giờ được xem là nỗ lực nghiêm túc nhằm cải thiện quan hệ với những người Cộng sản.

Quan hệ với Pháp

Geneva đánh dấu sự kết thúc của bá quyền lâu dài của Pháp với Việt Nam. Dù có khát vọng gì vào thời điểm ấy thì người Pháp cũng không có triển vọng thực tế nào về việc duy trì một vị thế quan trọng ở miền bắc Cộng sản. Để chắc chắn, ngay lập tức họ cử Jean Sainteny đến Hà Nội làm Đại diện Toàn quyền ở Bắc Việt Nam, nhưng phái bộ của ông và các phái bộ sau đó không mang lại nhiều lợi ích rõ ràng cho Pháp. Còn đối với Nam Việt Nam, Diệm và các đồng nghiệp hoàn toàn quyết tâm rũ bỏ người Pháp. Tương tự như hầu hết đồng bào mình, Diệm có chung sự ghê tởm sâu sắc đối với chủ nghĩa thực dân Pháp. Cho dù ông có mong đến mấy được tiến hành cuộc đấu tranh chống những người Cộng sản vào năm 1954 thì điều ấy cũng không liên quan gì đến thông cảm chính trị dành cho Pháp hay đến bất cứ mong muốn nào nhằm duy trì vị trí đặc quyền của Pháp ở đất nước ông.

Hơn nữa, ông hoàn toàn không tin người Pháp và vẫn luôn như vậy suốt một thời gian dài. Ông coi giải pháp mà họ thương lượng [ở Geneva-ND] là sự phản bội ghê gớm với lợi ích của Việt Nam. Ông xem những điều khoản của giải pháp ấy là nỗ lực sau cùng nhằm bảo vệ lợi ích văn hoá và kinh tế của Pháp ở Việt Nam bằng việc hy sinh vị trí chính trị của họ. Theo phân tích này, Pháp nhất trí dùng chia cắt

làm thủ đoạn tạm thời mà thôi, và coi chính phủ của Diệm ở miền nam đơn thuần là chế độ trông nom tạm thời, chờ đến tái thống nhất đất nước dưới sự bảo trợ Cộng sản (thông qua bầu cử được lên kế hoạch cho tháng 7/1956) và thương lượng đang diễn ra về một tạm ước của Pháp với những người Cộng sản. Diệm tin rằng người Pháp sẵn sàng hy sinh chế độ của ông, chế độ mà trong bất cứ trường hợp nào họ cũng coi là sẽ sụp đổ trước sức nặng của tình hình bất lợi, nhằm tạo điều kiện cho việc xích quan hệ lại gần với Hà Nội. Trò hai mang của Pháp trong khi xúi giục và ủng hộ vật chất cho Bình Xuyên cùng các môn phái tôn giáo trong những tháng sau Geneva, nỗ lực của họ nhằm rũ bỏ Diệm trong mùa xuân 1955 khi ông có những biểu hiện củng cố vị trí của mình, và các chính sách mơ hồ tương tự trong những lĩnh vực khác, càng xác nhận phán xét của Diệm về dã tâm của Pháp đối với cá nhân ông và chính phủ của ông.

Nếu Diệm có bất cứ viễn cảnh nào về củng cố quyền lực của mình và bảo vệ chế độ của ông về lâu về dài thì người Pháp sẽ phải cuốn gói ra đi. Rất nhanh chóng, chế độ của ông đảm nhiệm quyền lực chính phủ do Pháp uỷ thác cho Nhà nước Việt Nam theo thoả thuận khởi động từ tháng 6/1954 nhưng sau đó không hề được ký kết hay phê chuẩn. Vào tháng 8, thảo luận đã diễn ra nhằm bãi bỏ liên minh kinh tế và thuế quan thiết lập từ Hiệp định Pau 1950 giữa Việt Nam, Lào và Campuchia mà trong đó, Pháp giữ những đặc quyền đặc biệt lẫn một tiếng nói mạnh mẽ; các thương lượng này kết thúc thành công vào cuối tháng 12. Sau đó, Sài Gòn rút đại diện khỏi Đại Hội đồng khối Liên hiệp Pháp.

Trong khi đó, vào tháng 9, người Pháp và Mỹ đạt thoả thuận là viện trợ của Mỹ cho Việt Nam phải được chuyển trực tiếp cho chính phủ Sài Gòn chứ không thông qua Pháp; và dàn xếp này có hiệu lực từ ngày 1/1/1955. Diệm đặc biệt lo lắng muốn loại bỏ càng nhanh càng tốt biểu tượng áp đặt về sự thống trị của thực dân – Quân đoàn Viễn chinh Pháp. Vào thời điểm hội nghị Geneva, các lực lượng Liên hiệp Pháp trong đất nước lên tới 200.000 lính. Ngay từ tháng 12/1954, Diệm đã lần đầu kêu gọi họ rút quân. Phải khó khăn lắm Hoa Kỳ mới thuyết phục được ông rằng rút quân quá vội vàng sẽ khiến Nam Việt Nam mất phòng thủ quân sự, và do đó việc sơ tán các lực lượng Pháp phải được thực hiện dần dần với sự phát triển của ít nhất là một quân đội quốc gia có hiệu quả. Tuy vậy, việc giảm dần các lực lượng Pháp vẫn diễn ra trong các tháng sau Geneva. Đến tháng 1/1956, Diệm cảm thấy đến lúc phải chính thức yêu cầu rút hoàn toàn Quân đoàn Viễn chinh Pháp và phải đạt được thoả thuận về thời gian biểu cuối cùng vào tháng 3. Bộ chỉ huy tối cao của Pháp ở Nam Việt Nam bị giải tán không lâu sau đó, và các binh lính cuối cùng của Pháp rời đi trong một vài tháng tiếp theo. Vào tháng 5/1957, thậm chí cả phái bộ quân sự Pháp tại chính phủ Sài Gòn cũng bị kết thúc.

Trong suốt giai đoạn nắm quyền, Diệm luôn nghi ngờ sâu sắc về các động cơ của Pháp đối với Nam Việt Nam. Nhiều điều khác nhau liên tục củng cố ác cảm của ông, chẳng hạn như chính sách của Pháp về bầu cử tái thống nhất, việc duy trì phái bộ ngoại giao Pháp ở Bắc Việt Nam, và xu hướng thâm căn cố đế của Pháp nhằm dính líu với các phái tôn giáo ở miền nam.¹ Mặc dù ông rất hâm mộ văn hoá của người Pháp cũng như sự tinh vi và khéo léo mang tính truyền thuyết của họ trong chính trị, Diệm đơn giản không tin họ khi bàn đến đất nước mình. Ông âm thầm vui mừng khi hàng ngàn người Pháp rời Nam Việt Nam sau Geneva. Ông vui vẻ chấp nhận viện trợ kinh tế và văn hoá của Pháp bởi vì nước ông cần càng nhiều sự trợ giúp càng tốt, và ngoài ra, tiêu chuẩn kỹ thuật trong viện trợ Pháp luôn luôn cao. Nhưng ông có những e ngại về hàng trăm cá nhân trong bộ máy quản lý hành chính chương trình viện trợ Pháp, và có lúc, ông khẳng khái quan điểm là phải giảm đáng kể sự hiện diện văn hoá của Pháp. Suy cho cùng, Pháp vẫn luôn là một nhân tố tiêu cực trong chính sách đối ngoại của VNCH. Dù gặp bất cứ khó khăn nào trong xử trí với Hoa Kỳ, và thậm chí cả sau khi quan hệ giữa Sài Gòn và Washington bắt đầu xấu đi rõ rệt, Diệm không bao giờ coi Pháp là đối trọng tiềm năng với ảnh hưởng của Mỹ.

Quan hệ với Lào và Campuchia

Xử trí của Sài Gòn với Lào và Campuchia bị ảnh hưởng tiêu cực từ cả thái độ truyền thống của người Việt đối với các dân tộc ở hai nước này và bởi lịch sử lâu dài của quan hệ thù nghịch lẫn nhau. Người Việt Nam có xu hướng coi thường xen lẫn khinh bỉ cả người Lào và Campuchia, như thể họ mới là những người thuộc một nền văn minh ưu việt hơn mang ánh sáng đến dân mọi rợ. Rõ ràng, những thái độ này chủ yếu có từ sự mở rộng trong lịch sử của Việt Nam đối với Lào và Campuchia. Nhiều người Việt Nam ở cả miền bắc lẫn miền nam coi nhiều vùng khác nhau thuộc quyền quản lý ngày nay của Lào và Campuchia là những phần hợp pháp của lãnh thổ quốc gia; và hơn nữa, còn có nhiều người thiểu số Việt Nam ở cả hai nước, trong đó ở Campuchia có số lượng khá lớn.

Nhìn chung, quan hệ chính thức với Lào tương đối tốt đẹp trong suốt chế độ Diệm. Sài Gòn phẫn nộ với việc sử dụng lãnh thổ của Lào làm căn cứ cho du kích cộng sản hoạt động ở Nam Việt Nam; nhưng nó cũng công nhận rằng chính phủ Vientiane chẳng thể làm gì được mấy; Diệm và các đồng nghiệp rất phiền lòng bởi tình hình chính trị và quân sự xấu đi ở Lào trong năm 1960 và sau đó, cũng như phản đối việc thay thế chế độ của Boun Oum bằng một chính phủ trung lập tại Hội

¹

ngị Geneva về Lào năm 1961-62. Họ chỉ trích mạnh mẽ chính sách của Hoa Kỳ trong cuộc khủng hoảng Lào kéo dài, và cho rằng việc xử lý của Washington phản ánh biểu hiện đáng báo động về sự yếu kém và thiếu quyết đoán [của Washington – ND].

Từ đầu, quan hệ của VNCH với Phnom Penh đã phức tạp bởi tranh chấp lãnh thổ và tranh cãi về đối xử với những người thiểu số. Nhưng điểm tranh cãi chính giữa hai chính phủ luôn là quan điểm khác biệt rõ rệt của họ về chính trị Chiến tranh lạnh; và vấn đề càng trở nên phức tạp bởi sự đối nghịch cá nhân của Diệm với Hoàng thân Sihanouk. Sau giải pháp Geneva năm 1954, trong đó liên quan đến cả Lào và Campuchia lẫn Việt Nam, chính phủ Phnom Penh lái dần về quan điểm trung lập hơn trong công việc quốc tế. Theo thời gian, rõ ràng Sihanouk dần đi đến kết luận rằng Nam Việt Nam về lâu về dài sẽ không thể chống lại sự lật đổ của Cộng sản, kể cả với trợ giúp của Hoa Kỳ đi nữa; và rằng lục địa Đông Nam Á nói chung sẽ rơi vào ảnh hưởng của khối Cộng sản Châu Á do Bắc Kinh dẫn đầu. Tất cả những điều ấy là lời nguyền rủa đối với Diệm và các đồng nghiệp, những người cũng cay đắng phần uất với việc du kích Cộng sản sử dụng lãnh thổ Campuchia vừa làm căn cứ hoạt động chống Nam Việt Nam lẫn làm điểm trú ẩn. Trong suốt nhiều năm, rất nhiều vụ đụng độ biên giới đã khiến quan hệ giữa hai nước trầm trọng thêm. Tình hình càng phức tạp hơn do Campuchia trao quyền tự trị chính trị cho các đối thủ chính trị không phải là Cộng sản với chế độ Diệm, và bởi những âm mưu được cho là của Nam Việt Nam nhằm lật đổ chính phủ Sihanouk. Tuy nhiên, bất chấp xấu đi, quan hệ giữa hai nước vẫn được duy trì cho đến gần hết cuối giai đoạn Diệm.

Quan hệ với Ấn Độ

Mặc dù Diệm từng tin tưởng vào vị trí phù hợp của Ấn Độ trong quan hệ quốc tế song chế độ của ông không bao giờ có quan hệ dễ dàng với chính phủ New Delhi. Điều này một phần là do chính sách không liên kết nói chung của Ấn Độ mà nhìn từ góc độ của Sài Gòn thì phần nào gần với việc ủng hộ tích cực các nước Cộng sản. Nhưng hơn cả thế, nó xuất phát từ những nghi ngờ không thể nào xoá bỏ của Diệm về vai trò chủ chốt của Ấn Độ là chủ tịch của Ủy ban Giám sát và Kiểm soát gồm ba quốc gia (Canada, Ấn Độ, Ba Lan). Diệm tin rằng Ủy ban Quốc tế có sự thiên vị bất lợi cho chế độ của ông, và ông chủ yếu đổ lỗi điều này cho sự có mặt của Ấn Độ, những người mà ông vô cùng nghi ngờ chủ nghĩa hiện thực chính trị và thậm chí là sự đáng tin cậy của họ. Sự thù nghịch với những người Ba Lan, tất nhiên, được coi là đương nhiên. Kết quả là sự căng thẳng đáng kể trong quan hệ của VNCH với

New Delhi. Diệm và các đồng nghiệp có lẽ đã phán xét sai tình hình thật sự về Ủy ban quốc tế, đặc biệt là vai trò của người Ấn Độ trong đó. Trên thực tế, người Ấn Độ nhanh chóng hiểu người Cộng sản, và trong công việc thật sự của Ủy ban, nhất là sau năm 1955, họ thường đồng cảm với Sài Gòn hơn là Hà Nội. Chỉ có năm 1962, khi Ấn Độ bỏ phiếu cùng Canada về báo cáo đặc biệt nhằm chỉ trích những người Cộng sản vì đã ủng hộ xâm chiếm Nam Việt Nam thì Diệm mới nhìn nhận lại quan điểm của mình.

Quan hệ với các nước châu Á khác

Phạm vi giới hạn của bài viết không cho phép xem xét chi tiết về quan hệ của VNCH với các láng giềng châu Á. Trong tiến trình bảo đảm công nhận quốc tế rộng khắp của mình, Sài Gòn đặc biệt chú trọng các quốc gia tự do của châu Á; và cùng với thời gian, VNCH gặt hái những thành công đáng kể trong việc thiết lập quan hệ bình thường với phần lớn số đó. Tuy nhiên, ngoài đó ra, các láng giềng châu Á của Nam Việt Nam không hiện diện rõ rệt lắm trong công việc chính sách đối ngoại thường ngày. Trong hầu hết thời gian, Diệm và các đồng nghiệp quá bận tâm với những vấn đề cấp bách hơn nên không để mắt tới một chính sách châu Á nhất quán được.

Một trong những mục đích chủ yếu của VNCH khi thiết lập quan hệ ngoại giao với Nhật Bản là giành công nhận là nước nhận bồi thường chiến tranh hợp pháp duy nhất từ Nhật Bản. Mục tiêu này đạt được vào năm 1959 với việc ký kết một thoả thuận bồi thường với tổng giá trị 55 triệu USD, phần lớn trong số đó được sử dụng cho dự án thủy điện Đa Nhim. Tuy nhiên, sau đó quan hệ với Nhật Bản bị che phủ bởi cánh tả của đất nước này thể hiện sự ủng hộ ngày càng lớn mạnh đối với chế độ Cộng sản ở Hà Nội.

Diệm nuôi dưỡng tình cảm đặc biệt cho quan hệ hữu nghị với Nam Hàn và chính phủ Trung Hoa Dân Quốc tại Đài Loan (lúc đó tên tiếng Anh gọi là Formosa), phần vì truyền thống Khổng giáo chung giữa các nền văn minh Hàn Quốc, Trung Quốc và Việt Nam, nhưng có lẽ chủ yếu là do quan điểm chống Cộng rõ ràng mà cả Nam Hàn lẫn Trung Hoa Dân Quốc thể hiện trong các vấn đề của châu Á và thế giới. Tuy vậy, Diệm không ảo tưởng gì về khả năng sống sót độc lập của cả Nam Hàn lẫn Trung Hoa Dân Quốc nếu thiếu đi sự hỗ trợ liên tục của Hoa Kỳ. Hơn nữa, quan hệ của VNCH với Trung Hoa Dân Quốc bị căng thẳng trầm trọng bởi chính sách hạn chế của Sài Gòn với người Hoa thiểu số ở Nam Việt Nam, đặc biệt từ năm 1956 đến 1958, và bởi tranh chấp lãnh thổ phần nào viễn vông (quixotic) đối với

quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa ở Biển Nam Trung Hoa (nguyên văn: South China Sea).

Liên quan đến các nước châu Á khác, Malaya và Philippines đã trải qua các cuộc đấu tranh dai dẳng với các phong trào du kích do Cộng sản dẫn đầu, và tình hình đó giúp củng cố quan hệ hữu nghị giữa họ với chế độ Diệm. Cả hai đều cung cấp viện trợ cho Việt Nam Cộng hoà, mặc dù quan hệ của Sài Gòn với Manila bị thử thách bởi tuyên bố của Manila với quần đảo Trường Sa. Việt Nam Cộng hoà có cùng nhận thức với Thái Lan về mối họa Cộng sản, và có lẽ quan trọng hơn là có cùng sự thù nghịch với Campuchia. Quan hệ giữa hai nước ổn thoả nhưng không thân thiết; sự tồn tại của số dân người Việt tị nạn khá lớn ở Thái Lan, những người chạy khỏi nỗi sợ nội chiến những năm trước đó, đôi khi vẫn gây khó khăn.

Diệm thường nói về yêu cầu cần có sự đoàn kết châu Á rộng lớn hơn trước thử thách Cộng sản. Nhưng chính quyền Sài Gòn không có mấy biện pháp nhằm thực hiện mục tiêu dài hạn này. Thời gian đầu của chế độ, Diệm nói về khả năng gia nhập Tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á (SEATO), được thành lập theo Hiệp ước Manila vào tháng 9/1954. Mặc dù ông luôn nhận thức được rằng Hoa Kỳ là xương sống của liên minh này, song ông cũng thấy những lợi thế thật sự trong việc mở rộng căn cứ ủng hộ cho chế độ mình; và ông tin rằng các thành viên châu Á của liên minh là Philippines, Thái Lan và Pakistan sẽ có thể chào đón sự tham gia của Việt Nam. Ông được Hoa Kỳ lịch sự thông báo rằng tư cách thành viên của Việt Nam Cộng hoà là điều không thể về mặt chính trị bởi vì những điều cấm trong giải pháp Geneva, mặc dù lãnh thổ của VNCH được đưa vào dưới chiếc ô bảo trợ của SEATO theo các điều khoản của nghị định thư đi kèm Hiệp ước Manila. Trong những năm sau đó, sau khi những người Cộng sản đã nổi lại phản công ở Nam Việt Nam, Diệm trong hai, ba dịp khác nhau đã nêu lên vấn đề chính thức kêu gọi sự bảo vệ của liên minh SEATO. Tuy vậy, đến lúc này (1966), SEATO rơi vào xáo trộn, và do đó Hoa Kỳ không ủng hộ bước đi đó. Diệm bắt đầu nhận ra điều thật sự cần thiết để bảo vệ Nam Việt Nam là ủng hộ quân sự tiếp tục từ Hoa Kỳ, vốn bắt đầu tăng nhanh sau 1960, chứ không phải là sự bảo vệ chính thức của liên minh SEATO; và rút cục ông hoàn toàn bỏ chuyện đó đi.

Quan hệ với Hoa Kỳ

Thành tựu lớn nhất của Diệm trong việc thực hiện chính sách ngoại giao là giành sự ủng hộ của Hoa Kỳ sau Geneva, không chỉ cho Nam Việt Nam mà còn cho chế độ của ông, và duy trì sự trợ giúp này (mặc dù có chút nao núng từ phía Hoa Kỳ trong giai đoạn đầu) cho tới ít nhất giữa năm 1963. Từ mùa xuân 1955 trở đi, Hoa Kỳ

trao cho Nam Việt Nam sự giúp đỡ không hạn chế trên trường quốc tế và trong suốt thập niên nắm quyền của Diệm, đã cung cấp hơn hai tỷ USD viện trợ quân sự và kinh tế. Hơn nữa, mặc dù thực tế viện trợ tuyệt đối cần thiết và dồi dào này, cùng với các điều khoản kèm theo của Hoa Kỳ, đã hạn chế rõ rệt quyền tự quyết của Diệm ở phương diện nào đó nhưng suy cho cùng, ông vẫn giữ được quyền tự do đáng kể về hành động chính trị ở cả trong nước và nước ngoài. Cho dù chế độ của ông phụ thuộc vào Hoa Kỳ thế nào, Diệm không bao giờ trở thành con rối của Mỹ. Mặt khác, khi Washington cuối cùng rút lui ủng hộ chính trị của mình vào mùa hè 1963, Diệm và chế độ của ông cũng bị kết liễu.

Vào thời điểm Hội nghị Geneva, Hoa Kỳ đã dính líu mạnh mẽ ở Việt Nam. Washington từ chối phụ thuộc vào thỏa thuận đưa ra tại Geneva nhưng cũng nêu rõ là họ sẽ không làm gì để phá hoại giải pháp. Sau đó, Hoa Kỳ hành động nhanh chóng nhằm nâng đỡ chính phủ đang vật lộn ở Sài Gòn, với quyền lực bị giới hạn ở nửa miền nam của Việt Nam. Viện trợ kinh tế và quân sự ồ ạt được tiếp nối, và Nam Việt Nam được đưa vào ô bảo hộ của Hiệp ước Manila. Nhưng mặc dù Washington rõ ràng đã nhanh chóng kết luận rằng việc chia cắt Việt Nam có thể kéo dài, và rằng lợi ích của Mỹ liên quan mật thiết đến việc hỗ trợ một Nam Việt Nam độc lập, phi Cộng sản nhưng điều đó không ngụ ý cam kết tự động với chính phủ non trẻ của Diệm. Trên thực tế, chính phủ đó phải chứng minh được bản thân.

Washington đợi vài tháng để ước tính triển vọng của Diệm. Điểm rẽ quan trọng đầu tiên xảy ra vào tháng 9, khi Diệm tổ chức lại nội các để chấp nhận các đại diện của Cao Đài và Hoà Hảo. Sự thể hiện kỹ năng và nhạy bén chính trị này trong khi luôn lách giữa những dòng đối lập vô cùng phức tạp của chính trị Việt Nam đã gây ấn tượng tích cực với Hoa Kỳ, và sau đó nước này chuyển sang quan điểm ủng hộ Diệm cởi mở hơn. Sự hỗ trợ ngày càng lớn của Mỹ được thể hiện rõ ràng trong suốt cuộc khủng hoảng kéo dài vào thời gian Diệm nỗ lực thành công nhằm sa thải Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Nguyễn Văn Hinh, một bước đi giúp Diệm có thêm quyền kiểm soát hiệu quả hơn nhiều đối với quân đội quốc gia. Tuy vậy, trong suốt giai đoạn này, người Pháp cũng nỗ lực để lật đổ Diệm, và họ không khó gì đã thuyết phục được đại sứ Mỹ ở Sài Gòn, Donald R. Heath, rằng chế độ của Diệm có thể không sống sót được. Khi tướng J. Lawton Collins đến Việt Nam làm Đại diện Đặc biệt của Hoa Kỳ vào tháng 11, người Pháp cũng dần dần thuyết phục ông tin như vậy. Khủng hoảng niềm tin nghiêm trọng nhất xảy ra vào mùa xuân 1955, khi Diệm phá nát Bình Xuyên và sau đó cả các giáo phái. Collins rõ ràng bị người Pháp thuyết phục rằng Diệm không thể thành công trong chiến dịch này, và do đó đã phản đối mạnh mẽ. Những người khác trong cộng đồng quan chức Mỹ ở Sài Gòn rất không đồng ý với nhận định của Collins. Diệm kiên quyết, và chứng minh

chính sách của ông cuối cùng đã khiến Washington đứng hẳn về phía ông. Sau đó không lâu, phái bộ của Collins được rút về; và một đại sứ mới, G. Frederick Reinhardt, được cử tới Sài Gòn để thực hiện chính sách của Mỹ trên cơ sở ủng hộ đầy đủ đối với chế độ Diệm.

Điều đó tiếp tục là cơ sở chủ yếu của chính sách của Hoa Kỳ ở Đông Nam Á trong gần một thập niên. Một khi đã kết luận rằng sự tồn tại của chế độ Diệm và việc củng cố quyền lực của nó ở Nam Việt Nam phục vụ tốt nhất lợi ích an ninh của Hoa Kỳ ở đất nước này, Washington không bao giờ nao núng quan điểm này cho đến mùa hè 1963. Sự nóng nhiệt đối với người đàn ông châu Á mạnh mẽ mới này không tránh khỏi lúc trỗi lúc sụt ở những thời điểm khác nhau, và sau 1960, bông hồng hẳn nhiên không còn thơm nữa. Nhưng suy cho cùng, con bài vẫn nằm về phía Diệm cho tới gần cuối. Quả thật, bản thân Diệm nhận thức rõ điều đó và đã khôn ngoan tận dụng nó trong xử trí với chính phủ Washington.

Bất chấp tất cả những điều ấy, Diệm luôn có những nỗi e sợ ghê gớm nhất với chính sách của Hoa Kỳ, cả ở phương diện chính trị thế giới nói chung và với đất nước ông nói riêng. Tận sâu trong mình, ông dường như luôn có ấn tượng về người Mỹ là những người thơ ngây chính trị và mềm yếu không thể cứu chữa. Ông nghi ngờ tính chín chắn của chúng ta trong các vấn đề quốc tế và năng lực của chúng ta trong việc lãnh đạo chính trị toàn cầu. Ông vô cùng lo ngại về tính nhất quán của chính sách Hoa Kỳ trong cuộc đấu tranh dai dẳng với những người Cộng sản. Ông không bao giờ hiểu được tiếp cận của Washington với các nước trung lập. Ông bối rối với sự hoang tàng mà chúng ta phí phạm viện trợ kinh tế cho các nước đó bất chấp sự không liên kết của họ, và ông còn bối rối hơn bởi những chương trình viện trợ dành cho một số nước Cộng sản được chọn lựa. Ông thấy chính sách của Mỹ ở Lào rất dao động và thiếu quyết tâm. Ông thất vọng bởi chúng ta chịu đựng sự tiếp quản của Castro ở Cuba, và chết lạng đi trước vụ Vịnh con Lợn. Ông cũng không lý giải được phản ứng yếu ớt của chúng ta trước vụ bức tường Berlin. Ông không thể tránh khỏi việc rút ra sự nghi ngờ dai dẳng từ những sự kiện đó với tính bền vững trong ủng hộ của Hoa Kỳ với đất nước của ông. Nam Việt Nam thật sự quan trọng dường nào với an ninh của Hoa Kỳ? Liệu sẽ có ngày Washington mệt mỏi với việc hỗ trợ đất nước châu Á xa xôi này? Bản thân ông có bị hy sinh? Trên tất cả, Diệm coi Washington chẳng có mấy hiểu biết về sự vụ của Việt Nam, và hầu như hoàn toàn thiếu kinh nghiệm về những điều đó. Kết quả là ông chẳng mấy in tưởng vào tính vững chắc trong các phán xét của Mỹ về vấn đề của Việt Nam,² và cay đắng

² Thật sự Diệm bị ảnh hưởng phần nào từ người em trai Nhu trong việc hiểu ra người Mỹ thiếu hiểu biết như nào. Tuy vậy, ông lại chịu ảnh hưởng trực tiếp và cơ bản hơn từ nhiều cuộc tiếp xúc không may với các quan chức Mỹ ở cả Bộ Ngoại giao lẫn Bộ Quốc phòng trong những năm tháng lưu vong

với thực tế là hỗ trợ kinh tế và quân sự ồ ạt tất yếu giúp Hoa Kỳ có ảnh hưởng mạnh mẽ trong việc xác định chính sách của Việt Nam.

Qua nhiều năm, việc xảy ra liên tiếp tranh cãi về những vấn đề chính sách quan trọng mà ở đó những người có lý trí đều có thể [có quan điểm – ND] khác nhau càng làm nhen nhóm nỗi sợ hãi của Diệm rằng một ngày nào đó Hoa Kỳ sẽ bỏ rơi ông ta, hoặc ít nhất đã củng cố e sợ của ông về mức độ khôn ngoan của chính sách Mỹ đối với công việc nội bộ của Việt Nam. Một trong những lĩnh vực quan trọng nhất trong xung đột chính sách là toàn bộ vấn đề an ninh. Cả Washington và Sài Gòn đều nhất trí coi an ninh là mục tiêu chủ yếu của chính sách của hai bên; nhưng họ khá bất đồng về bản chất khả dĩ của mỗi đe dọa chính đến an ninh của Việt Nam trong tương lai, và về thể loại cũng như quy mô mà lực lượng Việt Nam cần có để giải quyết vấn đề ấy.

Trong những năm đầu sau Geneva, quan điểm của Washington là chiến tranh của Nam Việt Nam với những người Cộng sản đã kết thúc; nhiệm vụ chính bây giờ là xây dựng lại miền nam và phát triển các thể chế xã hội, kinh tế, chính trị bền vững. Nếu như có xảy ra một cuộc xung đột khác, hẳn nó sẽ ở hình thức một cuộc xâm lược triệt để từ Bắc Việt Nam qua vĩ tuyến 17. Trong hoàn cảnh đó, nhiệm vụ phù hợp của các lực lượng vũ trang Việt Nam Cộng hoà đơn giản là trì hoãn sự xâm lược cho đến khi Hoa Kỳ và các lực lượng SEATO khác có thể can thiệp chống lại bên xâm lược. Bởi thế Nam Việt Nam chỉ cần một quân đội tương đối nhỏ khoảng 90.000 lính để giải quyết mỗi đe dọa thông thường từ miền bắc. Mặt khác, Diệm và các đồng nghiệp lập luận rằng cuộc đấu tranh chống những người Cộng sản còn lâu mới xong. Họ tin rằng cuối cùng cuộc xung đột sẽ được nối lại và rằng nó sẽ có hình thức chủ yếu là chiến tranh du kích chứ không phải là xâm lược công khai từ miền bắc. Bởi vậy Nam Việt Nam cần những lực lượng an ninh lớn để đối mặt với chiến tranh du kích ở nông thôn. Họ đặt ra yêu cầu tối thiểu là 200.000 lính. Thoả hiệp ban đầu là Washington đồng ý ủng hộ đội quân gồm 125.000 người; nhưng mức độ tranh chấp lực lượng kéo dài vài năm cho đến khi thực tế về nổi dậy của Cộng sản gia tăng sau năm 1957 đã giải quyết vấn đề theo hướng ủng hộ Sài Gòn.

Nhiều bất đồng quan trọng khác giữa Washington và Sài Gòn liên quan đến vấn đề an ninh. Một trong những vấn đề gây khó khăn nhất là nhiệm vụ của lực

ở Hoa Kỳ từ 1950 đến 1953. Sau vài cuộc gặp như vậy, ông tin rằng Washington chỉ biết về Việt Nam từ những gì học được của người Pháp, và rằng Hoa Kỳ không tôn trọng “những phán xét sắc bén” – như ông từng gọi – của một vài người Mỹ từng phục vụ ở Đông Dương. (Ông thích biểu dương cựu đại biện Mỹ tại Sài Gòn, Edmund A. Gullion, là đã chứng minh được góc nhìn lạ thường và hiểu biết tinh vi về tình hình cũng như nhu cầu của đất nước ông.)

lượng bảo vệ dân sự (cũng như quy mô, tổ chức và thiết bị của họ), mà người Mỹ chủ yếu coi như cảnh sát nông thôn, còn người Việt Nam chủ yếu coi đó là lực lượng quân sự bổ sung cho hoạt động chống du kích ở nông thôn. Một điều khác liên quan đến dự án con cưng của Diệm về tái định cư ở Tây Nguyên. Từ quan điểm của ông, mục đích của chương trình tái định cư chủ yếu nhằm ngăn chặn sự xâm nhập của Cộng sản vào các vùng biên giới lỏng lẻo của Nam Việt Nam ở cao nguyên, còn người Mỹ lại chỉ trích chương trình vì lý do phi khả thi về kinh tế, lập kế hoạch không đầy đủ và thực hiện vội vã. Sau này, chương trình ập chiến lược cũng tạo ra những tranh cãi cay đắng khi phía Việt Nam tập trung gần như tuyệt đối vào khía cạnh quân sự của vấn đề còn người Mỹ lại muốn chú ý nhiều hơn đến sự phát triển xã hội, kinh tế và chính trị của các làng bản được phòng vệ.

Còn có vô vàn tranh cãi khác về thực tiễn hành chính phản ánh khuynh hướng ăn sâu nhằm đặt an ninh của Việt Nam Cộng hoà ngang bằng với sự tồn tại của chế độ Diệm. Thông thường, lòng trung thành cá nhân với gia đình Diệm chứ không phải là khả năng chuyên môn mới là tiêu chuẩn cần thiết để đề bạt quân sự (hay dân sự). Diệm cũng duy trì kiểm soát chặt chẽ việc di chuyển của các đơn vị quân đội và vận hành của các chiến dịch quân sự nhằm giảm thiểu khả năng đảo chính nhằm vào chế độ của ông. Có lẽ có thể hiểu được tất cả những điều ấy; nhưng nó mang lại tổn thất nặng nề về hiệu quả quân sự, và người Mỹ khó mà chấp nhận được.

Tuy cả hai chính phủ ngầm nhất trí rằng các cân nhắc chính sách kinh tế là phụ so với vấn đề nổi cộm là an ninh nhưng vẫn có nhiều cơ hội dẫn đến bất đồng sâu sắc trong cả lĩnh vực này. Những tranh chấp có trong toàn bộ chính sách kinh tế, từ chính sách tài khoá và tiền tệ của Việt Nam, cho đến mục đích sử dụng viện trợ của Mỹ, việc thực hiện cải cách đất đai, và phát triển công nghiệp. Phía Việt Nam hiển nhiên muốn có quyền tự trị tối đa trong việc thực hiện các chính sách kinh tế và sử dụng các quỹ viện trợ, còn người Mỹ lại muốn áp đặt mức độ kiểm soát nhất định nhằm bảo đảm sử dụng phù hợp viện trợ của chúng ta. Một vấn đề thậm chí còn nhạy cảm hơn trong quan hệ Việt-Mỹ là cải cách chính trị. Tuy e sợ tính độc đoán ngày càng gia tăng của chế độ Diệm và sự bất chấp trắng trợn đối với tự do chính trị, Hoa Kỳ không bao giờ gây áp lực mạnh trong lĩnh vực này, tuy rằng đôi khi cũng nỗ lực bảo đảm việc thực hiện bầu cử trung thực, nói nòng việc kiểm soát khắc nghiệt của chế độ đối với báo chí, và cho phép một mức độ đối lập chính trị có tổ chức nào đó.

Nhìn chung, bất chấp vị thế lớn mạnh trong tay, Hoa Kỳ không mấy khi can thiệp quyết liệt vào các vấn đề chính trị và kinh tế quan trọng. Nhưng cả hai lĩnh

vực đều có những áp lực từ các quan chức Mỹ trong công việc xử lý hàng ngày với chính phủ Sài Gòn. Điều này gây nhiều bức bối cho phía Việt Nam, và Diệm cùng các đồng nghiệp luôn tìm kiếm động cơ ẩn giấu sau mỗi quan điểm của Mỹ. Theo phán xét của họ, áp lực của Mỹ, trong trường hợp khả quan nhất, bị lạc lối vì nó phản ánh cái mà họ coi là thiếu hiểu biết về điều kiện đặc thù của Việt Nam. Trong trường hợp tệ nhất, nó cho thấy thiếu sự chân thành về phía người Mỹ, và cho thấy sự lung lay trong chính sách ủng hộ của chúng ta đối với Việt Nam Cộng hoà. Hết lần này qua lần khác, Diệm ngày càng viện ra những lý do vững vàng để nghi ngờ sự nhất quán của Hoa Kỳ. Đôi lúc ông còn cảm thấy gần như mắc bệnh sợ bị gạt bỏ.

Cuộc khủng hoảng niềm tin lớn xảy ra cùng với cuộc đảo chính quân sự chết yểu chống chế độ Diệm vào tháng 11/1960. Mặc dù Hoa Kỳ không thúc đẩy nỗ lực này hay đóng vai trò gì trong việc tổ chức song Đại sứ quán Mỹ ở Sài Gòn biết khá rõ về kế hoạch đảo chính, và lúc ấy cũng đủ vỡ mộng với chế độ nên đã chấp nhận nó một cách bị động. Phía Mỹ rõ ràng không cố gắng báo động cho Diệm về mối hoạ đang đến. Chỉ riêng điều này cũng đủ gây sốc cho ông ta cũng như các cố vấn thân thiết nhất, và càng củng cố những nghi ngờ từ lâu của họ về tính bền vững trong sự ủng hộ của Mỹ. Tuy vậy, một cách khôn ngoan, họ đã xoay chuyển toàn bộ tình thế sang hướng có lợi cho mình. Vào cuối năm 1960, sự nổi dậy ở nông thôn đã đạt đến quy mô lớn. Do đó, rõ ràng là phía Cộng sản đang tập trung toàn lực để chiếm Nam Việt Nam. Sốt sột qua một cuộc đảo chính không thành và không còn khả năng nào thay thế được sự lãnh đạo của ông ta, Diệm càng tin chắc chế độ của ông là không thể thay thế được. Trong bất cứ trường hợp nào thì chính quyền mới của Kennedy ở Washington hẳn cũng kết luận như vậy vào năm 1961. Một đại sứ mới, Frederick E. Nolting, được cử tới Sài Gòn vào tháng 3 để thay thế Elbridge Durbrow (người kế nhiệm Reinhardt năm 1957, và cũng là người đánh mất niềm tin của Diệm vì cả chuyện ông cứ lải nhải về yêu cầu cải cách lẫn vai trò bị động của ông này trong các sự kiện diễn ra trước tháng 11). Nhiệm vụ của Nolting là tái thiết lập quan hệ thân thiết với chế độ Diệm trên cơ sở chính sách ủng hộ hoàn toàn nỗ lực của Diệm nhằm nghiền nát du kích Cộng sản.

Các phái đoàn kế tiếp của Mỹ do Giáo sư Eugene Staley và Tướng Maxwell D. Taylor dẫn đầu đã thăm Nam Việt Nam trong năm 1961 nhằm trực tiếp tìm hiểu tình hình và nêu đề xuất nhằm giải quyết hiệu quả hơn mối đe doạ Cộng sản đang tăng lên. Kết luận của các khuyến nghị là tăng mạnh hỗ trợ quân sự và kinh tế Mỹ cho chế độ Diệm và sự tham gia trực tiếp của Mỹ vào cuộc xung đột. Để chắc chắn, cả hai phái đoàn cũng đề xuất các cải cách sâu rộng nhằm vào cải thiện năng lực của chế độ trong cuộc đấu tranh chống Cộng sản và mở rộng cơ sở cho sự ủng hộ

của người dân. Diệm và các đồng nghiệp hào hứng với lượng hỗ trợ tăng lên của Mỹ nhưng như thường lệ, do dự trước việc thực hiện đầy đủ các cải cách được khuyến nghị cho dù chấp nhận ngoài miệng. Trong bài thử sau đó, Diệm dễ dàng vượt qua. Thật ngẫu nhiên là đó có lẽ là lần cuối cùng Hoa Kỳ thành công trong việc áp đặt những thay đổi đáng kể lên chế độ Diệm. Khi đó hoặc là không bao giờ; nhưng lần này và cũng như nhiều lần khác trong quá khứ, Washington lại đổi đôn bẫy hỗ trợ của Mỹ lấy lời hứa chứ không phải thực hiện. Sau đó, chế độ Diệm đi xuống một cách rõ ràng.

Trong hai năm tiếp theo, an ninh ở nông thôn tiếp tục xấu đi một cách đáng báo động. Với những người quan sát thấy trước được sự việc, rõ ràng cuộc chiến chống những người Cộng sản đang thất bại. Nhưng Washington không có động thái gì để buộc Sài Gòn thay đổi cho đến khi một khủng hoảng lớn khác ép nó phải như vậy khi đã quá muộn. Chấn xóc tác mang tính quyết định là cái được gọi là khủng hoảng Phật giáo xảy ra vào tháng 5/1963. Washington dường như đã nhận ra ngay từ đầu là những lộn xộn Phật giáo là diễn biến có tầm quan trọng cơ bản; và rằng thách thức mà chúng đặt ra cho chế độ Diệm không thể giải quyết bằng đàn áp đơn giản. Do đó, phía Mỹ thúc giục hoà hợp và cải cách, và nhìn chung thì Diệm cũng có xu hướng đi theo lựa chọn này. Tuy vậy, Ngô Đình Nhu, người mà vào thời điểm đó dường như đã có ảnh hưởng lẫn át anh trai mình, lại ủng hộ đàn áp chớp nhoáng phong trào phản đối. Trên thực tế, chế độ Diệm dao động giữa hai phương án này; và cũng như nhiều nhân tố khác, chính sự thiếu quyết đoán này cuối cùng đã thuyết phục Washington là phải có thay đổi cơ bản ở Sài Gòn, nếu không thì chế độ Diệm phải ra đi.

Vào tháng 8, Henry Cabot Lodge được bổ nhiệm làm đại sứ để thực hiện chính sách cứng rắn mới của chính quyền Washington. Sau đó vài ngày, Nhu xúc giục cuộc tấn công quân sự tàn khốc lên các chùa chiền Phật giáo mà sau đó ông tìm cách đổ lỗi cho các vị tướng. Kết quả là phe chỉ huy quân sự càng rời xa chế độ; và từ đó trở đi, chỉ còn lại vấn đề chế độ sẽ bị lật đổ khi nào và như thế nào. Trong những tuần sau đó, Hoa Kỳ duy trì áp lực mạnh mẽ với Diệm để cải cách chế độ của ông ta, nhưng ngày càng tuyệt vọng khi chẳng đạt được điều gì đáng kể. Cuối cùng thì giờ đây, Washington cũng tin rằng cần phải có thay đổi cơ bản để bảo vệ độc lập và an ninh của Nam Việt Nam vốn đang bị phá hoại bởi chế độ Diệm ngày càng trở nên ngoan cố và không phù hợp. Chúng ta vẫn chưa hoàn toàn nắm được quy mô can dự của Mỹ trong cuộc đảo chính quân sự đã lật đổ Diệm vào tháng 11. Có thể nói rằng chúng ta đã biết và không làm gì mấy để ngăn ngừa thảm họa đó. Khi các vị tướng rút cục cũng tấn công, Diệm thấy mình gần như cô

độc. Suy cho cùng, nỗi e ngại lâu dài của ông về tính nhất quán trong hỗ trợ của Mỹ đã tỏ ra là đúng.³

William Henderson là Quản lý Quan hệ Chính phủ Quốc tế cho Tập đoàn Dầu Mobil, và là Biên tập viên của Vietnam Perspectives. TS. Wesley R. Fishel là Giáo sư Chính trị học tại Đại học bang Michigan.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN *NGHIENCUUQUOCTE.NET*

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Các bài dịch học thuật của Dự án được đăng tại chuyên mục [Biên dịch](#). Danh mục rút gọn của các bài dịch này được đăng trên trang [Mục lục](#).

Từ tháng 6/2014, Dự án còn xuất bản chuyên mục [Bình luận](#) để đăng các bài bình luận tiêu biểu của các tác giả Việt Nam hoặc dịch từ các nguồn tiếng Anh uy tín về các vấn đề quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại Việt Nam. Ngoài ra, Dự án cũng ra mắt chuyên mục [Ấn phẩm](#) để chia sẻ các bài viết nghiên cứu về quan hệ quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng Anh với sự cho phép của các tác giả liên quan.

³ Bài viết này ban đầu được chuẩn bị cho một hội thảo về chính sách đối ngoại của các quốc gia Đông Nam Á, do Asia Society và Hiệp hội Nghiên cứu Châu Á đồng tài trợ và diễn ra tại New York vào ngày 14-15/5/1965.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, nghiencuuquocte@gmail.com
